

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2020

V/v tranh chấp “xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Võ Thị Ngọc Nga**

Ông **Nguyễn Kỳ Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐ-HPT ngày 09/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh **Lê Phương V**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị S có mặt tại phiên tòa.

- Anh V vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 09/12/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Tôi và anh Lê Phương V có quen biết từ trước và cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 05/6/2017 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống hạnh phúc được hơn 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và từ mâu thuẫn kinh tế gia đình, anh V thường xuyên lừa dối để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Chúng tôi chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân nhau vợ

chồng cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện đã mất liên lạc với nhau từ lâu; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Phương V.

- Bị đơn anh Lê Phương V đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị S và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Nguyễn Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phương V; Về tài sản chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có.

- Anh Lê Phương V vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Nguyễn Thị S tại phiên tòa, thì chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Phương V. Anh Lê Phương V hiện cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh Lê Phương V không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Lê Phương V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị S yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Phương V. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh V có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Anh, chị chung sống hạnh phúc được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị S xác định do bất đồng quan điểm sống và từ mâu thuẫn kinh tế gia đình, anh V thường xuyên lừa dối để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa chị S và anh V là rất ngắn, thời gian ly thân của chị S và anh V từ năm 2017 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị S và anh V cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị S cương quyết được xin ly hôn đối với anh V vì tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Lê Phương V đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị S và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Như vậy chứng tỏ anh V đã không còn tình cảm đối với chị S. Anh V đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh vẫn không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh V là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Lê Phương V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị S và anh V không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Phương V.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 20797 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị S thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị S được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh V được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thị S
 - + Lê Phương V
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh